

Số: /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra các Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện Công văn số 445/HĐND ngày 10/10/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về việc Phân công thẩm tra các báo cáo, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2023, HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026 và Công văn số 511/HĐND ngày 10/11/2023 của Thường trực HĐND tỉnh V/v bổ sung và dừng trình Nghị quyết, Báo cáo tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026;

Ban Dân tộc HĐND tỉnh được Thường trực HĐND tỉnh phân công thẩm tra 04 hồ sơ, dự thảo nghị quyết¹ trình kỳ họp thường lệ cuối năm 2023. Sau khi nghiên cứu các Tờ trình và dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh; Căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của tỉnh, Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả như sau:

I. Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết quy định, định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành

Theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước; khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước²; khoản 1, khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật³ và khoản

¹ (1) Nghị quyết ban hành Quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện một số hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (2) Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2023 -2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. (3) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động nguồn vốn và tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng. (4) Nghị quyết phê duyệt danh sách thôn tập trung đông đồng bào dân tộc có khó khăn đặc thù thuộc diện đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

² Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ".

³ "Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đề quy định:

1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ⁴; Tờ trình và dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở các căn cứ pháp lý liên quan⁵; được cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến các sở, ban, ngành liên quan và đã được cơ quan tư pháp thẩm định theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁶.

Do đó, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định, định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Ý kiến thẩm tra của Ban

Qua nghiên cứu, xem xét cho thấy: So với quy định trước tại Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 về Ban hành quy định một số định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ (KH-CN) có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, dự thảo Nghị quyết lần này có bổ sung thêm 03 nội dung chi mới phát sinh, theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính, gồm: Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng; Chi thư ký khoa học các Hội đồng; Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện (*Chủ tịch hội đồng; Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng*).

Các mức chi trong dự thảo Nghị quyết đều đảm bảo không vượt quá các quy định hiện hành, bằng 80% mức chi quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và trong khuôn khổ ngân sách địa phương có

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương” ...

⁴ “...Các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương...”

⁵ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Thi đua, khen thưởng; Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 về quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước...

⁶ Dự thảo Nghị quyết đã được tập trung nghiên cứu, xây dựng, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (*Ngày bắt đầu: 14/9/2023, ngày kết thúc: 14/10/2023*); lấy ý kiến của các sở, ngành; các huyện, thành phố, và đã được tổng hợp, hoàn thiện theo đúng quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Báo cáo số 1776/BC-STP ngày 31/10/2023.

thể cân đối được. Đồng thời cũng bằng với dự kiến mức chi của một số tỉnh bạn như tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lào Cai.

- **Về Phạm vi điều chỉnh (điểm a, Khoản 1, Điều 1):** Đề nghị giải trình cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để đề xuất trong phạm vi điều chỉnh có đối tượng: “...*nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác cấp Bộ, ngành*”. Nếu thuộc phạm vi điều chỉnh thì áp dụng các mức nào để xây dựng dự toán và mức chi?

- **Về Đối tượng áp dụng (Điều 2 của Quy định):** Ban đề nghị xem xét, nghiên cứu lại đối tượng áp dụng “*các cơ quan quản lý nhà nước*” theo các văn bản hướng dẫn: tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định: “*các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ*” và Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ KH&CN nêu “*các cơ quan quản lý nhiệm vụ*”.

- **Về Nguyên tắc áp dụng (Điều 3 của Quy định):** Ban đề nghị chuyển Khoản 5, Điều 4 của Quy định: “*Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở quy định tại Điều 28 Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật KH&CN, mức chi tối đa không quá 50% mức chi của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo Quy định này*” về Điều 3, Nguyên tắc áp dụng cho phù hợp.

- **Về định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:**

- Tại Khoản 1 Điều 4 của dự thảo quy định: “... *định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 32 triệu đồng/người/tháng*”

- Tại Khoản 4 Điều 4 của dự thảo quy định: “... *Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ*”.

Qua nghiên cứu cho thấy: mức lập dự toán đang quy định ở khung có “*tối đa không quá*”. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại cho phù hợp theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC “*để thực hiện thống nhất trong phạm vi...địa phương*”, quy định rõ đây là mức chi **cụ thể** để lập dự toán kinh phí hàng năm, bỏ cụm từ “*tối đa*” vì Nghị quyết là văn bản QPPL nếu quy định như vậy dẫn đến nhiều cách áp dụng khác nhau, không thống nhất, khó áp dụng trong thực tiễn.

Ban Dân tộc HĐND tỉnh nhất trí trình Kỳ họp xem xét, thông qua.

II. Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh sách thôn tập trung đồng đồng bào dân tộc có khó khăn đặc thù thuộc diện đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1.1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Tại Điều 54, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án

thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Thông tư số 02/2022/TT-UBND) quy định nội dung đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng cho các thôn, bản có dân tộc khó khăn đặc thù (Tiểu dự án 1, Dự án 9), theo đó quy định đối tượng, nội dung đầu tư, sửa chữa công trình hạ tầng và cơ chế thực hiện. Trong đó quy định về đối tượng: Các thôn, bản có dân tộc khó khăn đặc thù theo Quyết định 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021, Thông tư không quy định việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành danh sách các thôn, bản được đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9.

- Ngày 21/8/2023, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư số 02/2023/TT-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND (Thông tư số 02/2023/TT-UBND), theo đó tại khoản 26, Điều 1 quy định: Sửa đổi, bổ sung Điều 54⁷; UBND cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, tổng hợp danh sách các thôn, bản thuộc đối tượng đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đảm bảo tính linh hoạt, khả thi, hiệu quả, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã được phân bổ giai đoạn 2021 - 2025".

Do vậy, để cụ thể hóa Thông tư số 02/2023/TT-UBND và làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9 đảm bảo đúng đối tượng thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê duyệt danh sách thôn tập trung đồng đồng bào dân tộc có khó khăn đặc thù thuộc diện đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết: Dự thảo nghị quyết được ban hành là Nghị quyết cá biệt; nội dung phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Ý kiến thẩm tra của Ban

Trên cơ sở quy định tại Khoản 26 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các văn bản pháp luật có liên quan⁸ và dự thảo Nghị quyết, Ban có ý kiến như sau:

⁷ "Điều 54, Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng:

1. Đối tượng các thôn, bản tập trung đồng đồng bào dân tộc có khó khăn đặc thù, có tỷ lệ hộ nghèo cao thuộc danh sách các thôn ĐBKK theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021) và các thôn, bản thuộc xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021)."

⁸ - Quyết định số 1227/QĐ-TTg về phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025. - Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 - Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ

- Tại Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng: "Các thôn, bản **tập trung đồng đồng bào dân tộc có khó khăn đặc thù, có tỷ lệ hộ nghèo cao** thuộc danh sách các thôn ĐBKK theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 và các thôn, bản thuộc xã khu vực III theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025"

Theo đó, danh sách do UBND tỉnh rà soát, tổng hợp đề nghị phê duyệt là 09 thôn thuộc 04 xã: Hồng Trị, Cô Ba, Kim Cúc, Đức Hạnh của 02 huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư như: (1) Thôn có đồng đồng bào dân tộc có khó khăn đặc thù sinh sống; (2) Thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Trung ương; (3) Thôn có tỷ lệ hộ nghèo cao.

*** Kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh:**

- Sau khi Nghị quyết được ban hành, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm và các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền để nhân dân biết và triển khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình dự án khác, đầu tư cơ sở hạ tầng cho đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù.

Ban nhất trí trình Kỳ họp xem xét, thông qua Nghị quyết này.

III. Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động nguồn vốn và tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng

1. Về tính hợp hiến, hợp pháp; sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG, ngày 30/8/2022, HĐND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động vốn và tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện theo chương trình MTQG giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù: "2. Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý" và Công văn số

361/CV-VPQGGN ngày 18/11/2022 của Văn phòng Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: *"Theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, công trình đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, quy mô công trình liên xã nhằm phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã)..."* Theo thực tế trên địa bàn tỉnh, hiện nay không thực hiện dự án đặc thù, ngoài ra ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Do đó, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động nguồn vốn và tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ý kiến thẩm tra của Ban

- Về nội dung sửa đổi, bổ sung nguyên tắc lồng ghép vốn (Điều 3 của Quy định kèm theo Nghị quyết 54):

Ban nhất trí với nội dung sửa đổi do UBND tỉnh trình, nội dung sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh cho biết: Sau khi đã điều chỉnh Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn (Điều 3 của quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND) thì các nội dung sau có bị ảnh hưởng trong khi triển khai thực hiện không? Cụ thể: Một số quy định khi thực hiện lồng ghép vốn và Trình tự lồng ghép vốn trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch, lập dự toán hàng năm và giai đoạn ở các cấp (tại Điều 6,7 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2022NQ-HĐND).

- Về nội dung sửa đổi khoản 2, Điều 10 của quy định kèm theo Nghị quyết 54:

Ban thấy rằng, Khoản 2 điều 10 của quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND quy định ở dạng dẫn chiếu, nay điều khoản được dẫn chiếu có sự thay đổi, nên việc điều chỉnh là cần thiết. Ban đề nghị trích dẫn rõ ràng, đầy đủ nội dung sửa đổi, bổ sung trong Nghị quyết.

Ngoài ra, trong nội dung dẫn chiếu tại khoản 2 Điều 10 của quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND có giao trách nhiệm cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định các nội dung cụ thể. Đến nay, có sự điều chỉnh quy định tại khoản 2, Điều 10 của quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND (theo Quy định của Nghị định số 38 mới được Chính phủ ban hành năm 2023) Chính phủ giao:

"UBND cấp tỉnh, huyện trình HĐND cùng cấp quyết định quy mô, bố trí ngân sách tự cân đối của địa phương thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình

mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, quản lý ngân sách nhà nước và quản lý vốn tín dụng chính sách”.

Tuy nhiên, qua theo dõi UBND tỉnh chưa trình HĐND tỉnh theo quy định. Đề nghị UBND tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện nội dung trên.

- Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14:

“Các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 không thực hiện theo cơ chế đặc thù”.

Qua xem xét cho thấy: Đề là dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thì phải do cấp xã làm chủ đầu tư. Theo như thuyết minh của UBND tỉnh thì hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng không thực hiện dự án đặc thù. Đề nghị cho biết thêm thông tin: trên địa bàn tỉnh không có nội dung nào thuộc đối tượng do cấp xã làm chủ đầu tư, hay do ưu tiên đầu tư các công trình đầu tư cấp huyện, liên xã do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư?

Ban Dân tộc HĐND tỉnh nhất trí trình Kỳ họp xem xét, thông qua.

IV. Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1.1. Sự cần thiết

Ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh có lịch sử hình thành, phát triển từ lâu đời, là khu vực sản xuất có vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân lao động nông thôn, đặc biệt là lao động ở độ tuổi trung niên, lớn tuổi, lao động nữ...; đồng thời góp phần quan trọng trong việc bảo tồn, giữ gìn, phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống, đặc sắc của mỗi làng quê, tạo cơ hội giao lưu văn hóa thông qua du lịch. Mặc dù, có đóng góp to lớn về giá trị văn hóa, kinh tế - xã hội, nhưng việc phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua vẫn còn bộc lộ những tồn tại, bất cập: Một số ngành nghề, làng nghề, nghệ nhân, thợ giỏi cùng với các kỹ năng và bí quyết nghề truyền thống có nguy cơ bị mai một, thất truyền; diện tích một số vùng nguyên liệu phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề đang có xu hướng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa hoặc chuyển đổi sang cây trồng khác; mặt bằng sản xuất chật hẹp, không có khả năng mở rộng, các xưởng sản xuất thường xen kẽ với khu dân cư, công nghệ và thiết bị sản xuất còn lạc hậu; việc ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường còn hạn chế... Đến nay, toàn tỉnh có 605 cơ sở tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn, có 97 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP 3-4 sao, 07 làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận; tuy nhiên sự quan tâm, đầu tư hỗ trợ của nhà nước còn ở mức độ hạn chế, chủ yếu lồng ghép hỗ trợ thông qua các Nghị quyết, Chương trình, Đề án... có liên quan; chưa có một chính sách riêng nhằm hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề.

Với vai trò, vị trí quan trọng của khu vực ngành nghề nông thôn, làng nghề nêu trên, để khắc phục các tồn tại, hạn chế hiện nay và có điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư, bảo tồn, phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề thì việc ban hành dự thảo Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết.

1.2. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành

Căn cứ quy định tại Điều 30 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 21 Nghị định số 163/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh.

2. Ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh

2.1. Về bố cục

Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng lại bố cục của dự thảo Nghị quyết như sau: Xây dựng Nghị quyết ban hành kèm theo Quy định Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2023 -2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2.2. Về nội dung

Qua xem xét, Ban Dân tộc HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

- **Tại khoản 2, Điều 1:** Dự thảo Nghị quyết xây dựng đối tượng áp dụng với phạm vi rộng không thống nhất, phù hợp với nội dung tại khoản 2, Điều 3, (*dự thảo Nghị quyết đưa ra 02 mức hỗ trợ: cơ sở ngành nghề được công nhận là nghề truyền thống và cơ sở ngành nghề được công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống*).

- **Tại khoản 1, Điều 2:** Dự thảo Nghị quyết xây dựng chỉ được hỗ trợ một lần khi cơ sở ngành nghề được công nhận là nghề truyền thống và cơ sở ngành nghề được công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống chưa phù hợp với tình hình thực tiễn và không đáp ứng được nhu cầu của các cơ sở ngành nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh hiện nay.

- Tại Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí:

+ Nội dung hỗ trợ: Đề nghị cơ quan chủ trì, xây dựng Nghị quyết trình bày rõ các nội dung hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết (*theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ*).

+ Mức hỗ trợ: Đề nghị giải trình căn cứ để đưa ra 02 mức hỗ trợ. Nghiên cứu, xem xét lại các mức hỗ trợ giữa làng nghề, làng nghề truyền thống (*150.000.000 đồng/làng*) với nghề truyền thống (*120.000.000 đồng/ Nghề*).

+ Nguồn kinh phí: Đề nghị xác định rõ và khẳng định nguồn kinh phí để triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Từ căn cứ nêu trên, Ban Dân tộc HĐND tỉnh thấy rằng việc chuẩn bị, xây dựng dự thảo Nghị quyết chưa thật sự đảm bảo với các quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương (*Nội dung, mức hỗ trợ và*

nguồn kinh phí đưa ra chưa đảm bảo, tương xứng để đáp ứng nhu cầu của các cơ sở ngành nghề, làng nghề; Nghị quyết chưa xây dựng lộ trình để triển khai thực hiện trong giai đoạn). Do đó, để đảm bảo Nghị quyết khi ban hành và được triển khai, thực hiện đem lại hiệu quả, nhận được sự đồng thuận của người dân. Ban đề nghị chưa thông qua Nghị quyết này; Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu những nội dung góp ý tại Báo cáo này và tiếp tục rà soát, đối chiếu với các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan để chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết cho phù hợp để đủ điều kiện trình Kỳ họp tiếp theo.

Ban Dân tộc HĐND tỉnh trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

V. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị các cơ quan chủ trì, soạn thảo Nghị quyết tiếp tục rà soát chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh đối với các Tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 17, HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 -2026. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng: LĐVP, Trưởng, Phó các phòng và CV Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**

Bàn Quý Sơn